

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (PLT08A)

## **ĐỀ TÀI:**

***SỨC LAO ĐỘNG LÀ GÌ? PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH  
COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. ĐỀ XUẤT  
GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG SAU  
KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH***

**Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền**

**Sinh viên thực hiện : Ngô Thùy Linh**

**Lớp : K23ATCC**

**Mã sinh viên : 23A7510070**

**Hà nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
NỘI DUNG.....	4
Chương 1: Lý luận chung .....	4
1.1. Sức lao động.....	4
1.1.1. Khái niệm sức lao động .....	4
1.1.2. Đặc điểm chung của sức lao động .....	4
1.1.3. Vai trò của sức lao động .....	4
1.2. Tính chất hàng hóa của sức lao động .....	5
1.2.1. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa .....	5
1.2.2. Giá trị hàng hóa của sức lao động.....	6
1.2.3. Tiền công.....	7
1.3. Thị trường sức lao động.....	8
1.3.1. Khái niệm thị trường sức lao động .....	8
1.3.2. Đặc điểm chung của thị trường sức lao động .....	8
1.3.3. Vai trò của thị trường sức lao động .....	8
Chương 2: Thực trạng của thị trường lao động Việt Nam trước tác động của đại dịch Covid 19 .....	9
2.1. Tình hình lao động và việc làm trước đại dịch Covid 19 .....	9
2.2. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lực lượng lao động .....	9
2.3. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lao động có việc làm .....	12
2.4. Tác động của đại dịch Covid 19 đến thất nghiệp và thiếu việc làm .....	14
2.4.1. Lao động thiếu việc làm.....	14
2.4.2. Lao động thất nghiệp .....	15
Chương 3: Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường lao động Việt Nam sau khủng hoảng đại dịch Covid 19 .....	16
3.1. Giải pháp ngắn hạn .....	16
3.2. Giải pháp dài hạn .....	18
KẾT LUẬN.....	20
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	21

## MỞ ĐẦU

Đại dịch Covid 19 bùng phát đã làm ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Việt Nam, tác động trực tiếp đến thị trường lao động Việt Nam thời gian qua. Đại dịch Covid 19 bắt đầu xuất hiện ở nước ta từ tháng 1 năm 2020, ngay từ thời điểm đó, Chính phủ đã chủ động ban hành những chính sách, biện pháp để phòng ngừa dịch bệnh lây lan nhanh trong cộng đồng. Sự bùng phát dịch bệnh với số ca mắc tăng lên rất nhanh theo từng ngày trên thế giới và Việt Nam mà chưa có vắc – xin điều trị được sản xuất kịp thời buộc các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng phải thực hiện các biện pháp như giãn cách xã hội, đeo khẩu trang nơi công cộng, rửa tay thường xuyên, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về việc phòng chống dịch bệnh. Trong đó, biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện khiến nhiều hoạt động sản xuất tạm dừng lại, chuỗi cung ứng bị đứt đoạn, ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong nước, buộc phải cắt giảm lao động hoặc cho nghỉ khiến hàng triệu lao động mất việc làm. Năm 2020, thị trường lao động Việt Nam với số lượng lao động có mức giảm mạnh nhất trong 10 năm qua, tỷ lệ thất nghiệp cao, tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động có mức tăng cao nhất trong 5 năm trở lại đây do nhu cầu thị trường lao động sụt giảm. Người lao động bị giảm giờ làm, dãn việc, buộc phải tạm nghỉ hoặc ngừng sản xuất kinh doanh dẫn đến giảm thu nhập. Đặc biệt, họ là người có nguy cơ cao bị đe dọa bởi dịch bệnh, tiêu biểu là lao động ở Bắc Giang và Bắc Ninh. Trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid, Chính phủ cần có những biện pháp quyết liệt để đẩy lùi dịch bệnh, thực hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, đảm bảo an toàn cho người dân và hỗ trợ người phục hồi các doanh nghiệp và người lao động bị ảnh hưởng do dịch.

# NỘI DUNG

## Chương 1: Lý luận chung

### 1.1. Sức lao động

#### 1.1.1. Khái niệm sức lao động

Theo nhận định của Các-Mác, sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó. [Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin trang 54]

#### 1.1.2. Đặc điểm chung của sức lao động

Sức lao động là thứ không thể tách rời và tồn tại trong cơ thể của một con người cụ thể. Tùy thuộc vào tuổi tác, giới tính, đặc điểm dân tộc, trình độ văn hóa tay nghề, sức khỏe,... của con người mà mỗi người có một sức lao động khác nhau. Chất lượng sức lao động được thể hiện ở năng suất lao động, trình độ tay nghề, kinh nghiệm, những vấn đề về sức khỏe và cả ở chính thái độ của người lao động. Con người không thể dự trữ được sức lao động, mà nó đòi hỏi phải được sử dụng thường xuyên hoặc chưa được sử dụng thì cũng phải tốn kém chi phí nhất định để duy trì nó chính là để nuôi sống người lao động.

#### 1.1.3. Vai trò của sức lao động

Sức lao động là yếu tố cơ bản nhưng vô cùng quan trọng trong bất cứ nền sản xuất xã hội nào, nó là nguồn gốc để tạo ra mọi của cải vật chất, đồng thời là yếu tố tạo ra giá trị. Nó là yếu tố chủ động tạo ra giá trị sản phẩm, suy cho cùng con người cùng với chính sức lao động đã tạo ra mọi của cải vật chất, trong đó có cả khoa học công nghệ. Trong điều kiện kinh tế thị trường, sức lao động là yếu tố sản xuất thích nghi, trình độ lành nghề của người lao động phải tương xứng với trình độ khoa học công nghệ. Sức lao động là nguồn vốn quý giá của mỗi con người, là nguồn tài nguyên của đất nước và của doanh nghiệp. Sức lao động là lợi thế lớn trong việc phát triển kinh tế của các quốc gia. Để phát huy hơn nữa nền kinh tế quốc gia, cần biết tận dụng nguồn lao động dồi dào, nâng

cao trình độ kỹ thuật, trình độ tay nghề của người lao động, đáp ứng với mọi yêu cầu của thị trường sức lao động.

## **1.2. Tính chất hàng hóa của sức lao động**

### ***1.2.1. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa***

Có hai điều kiện tất yếu để biến sức lao động trở thành hàng hóa:

Thứ nhất, người lao động được tự do về thân thể. Khi đó, người lao động hoàn toàn có khả năng chi phối mọi hoạt động và sức lao động của mình. Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa và xuất hiện trên thị trường khi bản thân người có sức lao động đem ra bán. Để được như vậy thì người có sức lao động phải được tự do về thân thể, có quyền sở hữu năng lực của bản thân. Trong chế độ phong kiến và chiếm hữu nô lệ, người nô lệ hoàn toàn không có quyền tự do thân thể, họ bị áp bức, bóc lột sức lao động và thuộc quyền sở hữu của những người chủ. Do vậy, để biến sức lao động thành hàng hóa, cần phải thủ tiêu chế độ phong kiến và chế độ chiếm hữu nô lệ.

Thứ hai, khi người lao động không có đủ tư liệu sản xuất cần thiết để cùng với đó kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, nên họ phải bán sức lao động. Dưới chủ nghĩa tư bản, người lao động bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất và không thể tiến hành sản xuất, trong điều kiện ấy, họ phải quyết định bán sức lao động của mình vì không còn cách nào khác để sinh sống.

Khi trao đổi hàng hóa bằng sức lao động, cách mạng tư sản xuất hiện đã giải phóng con người khỏi chế độ phong kiến và chiếm hữu nô lệ, không còn bị lệ thuộc vào chủ nô và chúa phong kiến, mở ra một trình độ phát triển mới của nhân loại. Những người chủ sẽ thuê công nhân làm việc, bán sức lao động của mình để tạo ra sản phẩm. Quan hệ làm thuê đã tồn tại khá lâu trước khi xuất hiện chủ nghĩa tư bản, nhưng chủ yếu phục vụ nhà nước và vấn đề quốc phòng. Đến khi chủ nghĩa tư bản xuất hiện đã biến việc mua bán sức lao động trở nên phổ biến và trở thành hệ thống tổ chức cơ bản của toàn bộ nền sản xuất xã hội.

Điều đó đã đánh dấu một trình độ mới trong nền phát triển của nhân loại, tạo nên một ước tiến mới cho sự tự do phát triển của giai cấp công nhân.

### ***1.2.2. Giá trị của hàng hóa sức lao động***

Giống như hàng hóa thông thường, hàng hóa sức lao động cũng có hai thuộc tính, đó là thuộc tính giá trị và thuộc tính giá trị sử dụng.

Giá trị của hàng hóa sức lao động do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định. [trang 55] Mà sức lao động lại tồn tại trong cơ thể sống của mỗi con người. Do vậy, để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động đó, con người cần phải tiêu tốn một lượng tư liệu sản xuất trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Trên cơ sở đó, thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt ấy. Cấu thành của giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm:

Thứ nhất, giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất và tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hóa sức lao động bao hàm cả yếu tố tinh thần và lịch sử. Điều đó được thể hiện do nhu cầu của công nhân không chỉ có nhu cầu về vật chất mà còn là nhu cầu về tinh thần. Ở mỗi nơi khác nhau, mỗi nước khác nhau, nhu cầu về tư liệu sinh hoạt cần thiết cho công nhân sẽ không giống nhau. Do vậy, nó còn tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của từng nước, từng thời kỳ, vào trình độ văn minh mà đất nước đó đạt được, ngoài ra còn có các yếu tố khác như tập quán, điều kiện địa lý, khí hậu, điều kiện hình thành giai cấp công nhân.

Thứ hai, giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm phí tổn đào tạo người lao động. Trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, sự khác biệt của công nhân về trình độ lành nghề, kiến thức sâu rộng, mức độ sử dụng năng lực trí óc và tinh thần của họ tác động rất lớn vào việc tạo ra sản phẩm, tạo ra bước tiến mới cho nhiều lĩnh vực. Việc đào tạo ra những công nhân có năng lực và trình độ sẽ làm

tăng giá trị sức lao động, thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế.

Thứ ba là giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động. Giá trị sức lao động không chỉ bằng giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động của người công nhân mà còn là giá trị tư liệu sinh hoạt để nuôi sống con cái và gia đình họ.

Với thuộc tính thứ hai là giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động, thuộc tính đó chỉ thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động. Thứ nhất, con người là chủ thể của hàng hóa sức lao động, do đó, việc cung ứng sức lao động phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế, tâm lý, xã hội của người lao động. Khác với các thị trường thông thường, ở thị trường lao động, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa luôn muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị tăng thêm, giá trị lớn hơn. Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động là để thỏa mãn nhu cầu của người mua. Thứ hai, hàng hóa sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt vì khi tiêu dùng hàng hóa sức lao động, giá trị của nó không những được bảo tồn mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn. Phần giá trị lớn hơn đó được Các-Mác gọi là giá trị thặng dư. Đây chính khóa để giải thích mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản. Các-Mác đã khẳng định nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có.

### ***1.2.3. Tiền công***

Tiền công chính là giá cả của hàng hóa sức lao động. Tiền công là do hao phí sức lao động của người làm thuê tạo ra trong quá trình bán sức lao động, nhưng nó lại thường được hiểu là do người mua sức lao động trả cho người làm thuê. Điều này cần được nhấn mạnh để người công nhân và người mua hàng hóa sức lao động phải đặt địa vị của mình vào lợi ích chung của hai bên. Lưu ý, khi khẳng định nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động của người công nhân mà có thì người mua hàng hóa sức lao động cũng không thể thu được ngay giá trị thặng dư dưới hình thái tiền tệ. Muốn vậy thì hàng hóa sản xuất ra

phải được bán đi và nó phải được thị trường chấp nhận. Các-Mác gọi đây là thực hiện giá trị thặng dư.

### **1.3. Thị trường sức lao động**

#### ***1.3.1. Khái niệm thị trường sức lao động***

Thị trường sức lao động (Thị trường lao động) là một bộ phận của hệ thống thị trường, trong đó diễn ra quá trình trao đổi giữa một bên là người lao động tự do và một bên là người có nhu cầu sử dụng lao động. Sự trao đổi này được thỏa thuận trên cơ sở mối quan hệ lao động như tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc...thông qua một hợp đồng làm việc bằng văn bản hay bằng miệng.

#### ***1.3.2. Đặc điểm chung của thị trường sức lao động***

Thị trường sức lao động đa dạng được phân biệt theo vùng địa lý, theo những loại nhu cầu và nguồn cung sức lao động khác nhau. Thị trường sức lao động không có trao đổi mua bán như thị trường khác mà thể hiện chủ yếu ở dịch vụ môi giới tuyển dụng và giới thiệu việc làm. Trong thị trường sức lao động, khó có thể đánh giá chính xác, đầy đủ về năng suất, chất lượng và hiệu quả sử dụng của hàng hóa sức lao động. Do nhiều nguyên nhân về yếu tố địa lý, sự quản lý nhân khẩu, quan hệ mua bán sức lao động tương đối phức tạp,...mà thị trường sức lao động thường phân tán, ít biến động. Tuy nhiên, thị trường sức lao động vẫn cần ổn định vì mục tiêu ổn định kinh tế và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhân lực.

#### ***1.3.3. Vai trò của thị trường sức lao động***

Thị trường sức lao động thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, đánh giá sức lao động về giá trị sử dụng và chi phí để tạo ra nó, từ đó xác định giá cả, số lượng và chủng loại sức lao động. Điều chỉnh thị trường lao động phù hợp sẽ đem lại hiệu quả về kinh tế, giúp quá trình sản xuất diễn ra nhịp nhàng, góp phần phát huy hiệu quả nguồn lực xã hội, phát triển kinh tế quốc gia. Bên cạnh đó thị trường sức lao



động cũng có vai trò tiêu cực, tạo điều kiện cho việc bóc lột người lao động, tạo sự bất bình đẳng về cơ hội việc làm,...

## **Chương 2: Thực trạng của thị trường lao động Việt Nam trước tác động của đại dịch Covid 19**

### **2.1. Tình hình lao động và việc làm trước đại dịch Covid 19**

Trước khi đại dịch Covid bùng phát, theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 (công bố vào ngày 19/12/2019), gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động trong độ tuổi từ 25-59. Trong đó nhóm tuổi 25-29 có tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động cao nhất chiếm 14,3%, nhóm tuổi 30-34 chiếm 14,2%. Các nhóm tuổi 15-19, 20-24 và nhóm tuổi già (60 tuổi trở lên) có tỷ trọng tham gia lực lượng lao động thấp dưới 10%. Lực lượng lao động đã tốt nghiệp THPT trở lên chiếm 39,1%, số lượng lao động có bằng chứng chỉ (sơ cấp trở lên) có tỷ lệ 23,1%, trong đó khu vực thành thị có số lượng cao gấp 3 lần so với nông thôn, tương ứng 39,3% và 13,6%. Khu vực nông thôn có tỷ lệ thất nghiệp hơn 2 lần so với khu vực thành thị (1,64% và 2,93%). 91,7% người thất nghiệp có độ tuổi từ 15-54, trong đó lao động có độ tuổi từ 15-24 có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất chiếm 44,4% tổng số lao động thất nghiệp của cả nước [Tổng cục thống kê, 2019].

Tỉ trọng việc làm theo ngành đã có sự chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2009 - 2019, trong đó, tỷ trọng lao động khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm (53,9% năm 2009, 46,3% năm 2014 và 35,3% năm 2019) còn tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.

### **2.2. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lực lượng lao động**

Đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của xã hội, ảnh hưởng đến công việc của người lao động. Theo số liệu của Tổng cục thống kê (2020) trong 9 tháng, lĩnh vực dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất của cùng kì

các năm 2011-2020, dịch vụ kho bãi giảm 4%, dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03%.

*Bảng 1: Lực lượng lao động quý III và 9 tháng năm 2020 so với cùng kỳ 2019*

	<b>Quý III năm 2019*</b>	<b>9 tháng năm 2019*</b>	<b>Quý II năm 2020</b>	<b>Quý III năm 2020**</b>	<b>9 tháng năm 2020</b>
Lực lượng lao động (nghìn người)	55714,1	55565,4	53147,4	54580,4	54353,1
Lực lượng lao động trong độ tuổi (nghìn người)	49192,9	49027,6	46789,4	48554,0	48087,5
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	76,4	76,5	72,3	74,0	73,9

*Nguồn: Tổng cục Thống kê (2019 và 2020).*

*(\*) Số liệu điều chỉnh lại theo dân số Tổng điều tra.*

*(\*\*) Số liệu ước tính.*

Dưới tác động của đại dịch Covid-19, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I, II và quý III năm 2020 đều có sự thay đổi. Lực lượng lao động quý II năm 2020 là 53,1 triệu người, giảm 2,2 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020, 55,3 triệu, tỉ lệ tham gia lao động là 75,4%) và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước [Tổng cục Thống kê, 2020]. Đây là năm ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục của lực lượng lao động từ trước đến nay. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý II năm 2020 là 46,8 triệu người, giảm 2,1 triệu người so với quý trước (quý I năm 2020 là 48,9 triệu) và giảm 2,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước, trong đó số lao động nữ trong độ tuổi lao động chiếm 44,7% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước (20,93 triệu) [Tổng cục

Thông kê, 2020]. Số liệu về lực lượng lao động của quý II năm 2020 cho thấy, ước tính tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 72,3%, giảm 3,1% so với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của quý I (75,4%) và 4,1% cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động nam tham gia lực lượng lao động cao hơn tỷ lệ lao động nữ tham gia lực lượng lao động là 11,7 điểm phần trăm (78,3% và 66,6%) [Tổng cục thống kê, 2020]. Đối với nhóm ngoài độ tuổi lao động, trong khi lực lượng lao động nữ đã giảm so với quý trước (1,8%) và cùng kỳ năm trước (4,9%) trong khi đó thì lực lượng lao động nam tăng nhẹ so với quý trước (0,8%) và cùng kỳ năm trước (1,4%) [Nguyễn Hoàng, 2020]. Như vậy, đối với cả nhóm lực lượng lao động trong độ tuổi và ngoài độ tuổi, lực lượng lao động nữ luôn là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lực lượng lao động nam trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động sâu rộng tới thị trường lao động tại Việt Nam.

Quý III năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của Việt Nam có 48,6 triệu người, tăng 1,8 triệu người so với quý trước và giảm 638,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Khu vực thành thị có 16,5 triệu người (34,1%). Trong khi đó thì số lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động ở Việt Nam chiếm 45,5% tổng số lực lượng lao động của cả nước (tương đương 22,1 triệu người) [Tổng cục thống kê, 2020].

Đến hết tháng 9 năm 2020, Việt Nam có 54,4 triệu người trong lực lượng lao động có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên (giảm 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn). Trong giai đoạn 2016-2019, mỗi năm trung bình lực lượng lao động trong 9 tháng đầu năm đều tăng 1%, và theo thông lệ thì đến hết tháng 9 năm 2020 thì lực lượng lao động phải có thêm 1,8 triệu lao động nhưng trên thực tế lại giảm 1,2 triệu lao động. Điều này cho thấy rằng dịch Covid-19 có thể đã tước đi cơ hội tham gia thị trường lao động của 1,8 triệu người [Tổng cục thống kê, 2020].

Đến hết quý III năm 2020, do dịch bệnh đã trong tầm kiểm soát, lực lượng lao động đã phục hồi nhanh ở khu vực nông thôn và lao động nữ. Lực lượng lao

động tại khu vực nông thôn tăng 3,0% (so với quý trước); lực lượng lao động nữ tăng 4,1%, cao hơn 2,6 điểm phần trăm so với mức tăng của lực lượng lao động nam. Mặc dù kết quả là tăng nhưng lực lượng lao động ở khu vực nông thôn và lao động nữ vẫn giảm so với quý I năm 2020 và cùng kỳ năm trước. Vì vậy, đây vẫn là những nhóm chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất bởi tác động của dịch Covid-19 với mức giảm của lực lượng lao động thuộc hai nhóm này so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 3,2% và 2,3% [Tổng cục thống kê, 2020].

### 2.3. Tác động của đại dịch Covid 19 đến lao động có việc làm

Hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng nặng nề trong những tháng đầu năm 2020, trong đó ngành dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011 – 2020. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm (tháng 9/2020): Bán buôn và bán lẻ tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước (0,54 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,68% (0,4 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm) [Tổng cục thống kê, 2020].

*Bảng 2: Lao động có việc làm quý III và 9 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019*

	Quý III năm 2019*	Quý III năm 2019*	Quý II năm 2020	Quý III năm 2020**	9 tháng năm 2020	Quý III năm 2020 so Quý III năm 2019	Quý III năm 2020 so Quý II năm 2020
Số người có việc làm (nghìn người)	54605,4	54460,2	51811,2	53328,0	53117,5	97,7	102,9
Số người làm công việc tự sản tự tiêu trong nông nghiệp (nghìn người)	4041,5	3996,3	3727,7	3337,6	3732,1	82,6	89,5
Số người có việc làm trong độ tuổi lao động (nghìn người)	4041,5	3996,3	3727,7	3337,6	3732,1	82,6	89,5

*Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020).*

*(\*) Số liệu điều chỉnh lại theo dân số Tổng điều tra.*

*(\*\*) Số liệu ước tính.*

Trong tháng 9/2020, cả nước có 53,1 triệu người lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên, giảm 1,3 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm giảm mạnh ở khu vực nông thôn (giảm 1,2 triệu người): giảm 608,6 nghìn lao động nam và giảm 734,1 nghìn người lao động nữ [Tổng cục thống kê, 2020].

Tính đến hết 9 tháng năm 2020, số lao động làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (từ 15 tuổi trở lên) bị giảm 6,5% (có 17,5 triệu người) so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là, tăng 0,3% (16,4 triệu người) so với cùng kỳ năm trước. Số lao động tăng chủ yếu trong ngành xây dựng có số lao động phi chính thức tăng 4,6% và số lao động chính thức giảm 9,3%. Số lao động trong khu vực dịch vụ cũng giảm 1% so với cùng kỳ năm trước (19,2 triệu người) [Tổng cục thống kê, 2020]. Bên cạnh đó, việc chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có xu hướng tiếp tục diễn ra. Tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 34,4% xuống 33%, trong khi đó tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 30% lên 30,8%. Tỷ trọng lao động khu vực dịch vụ tăng từ 35,6% lên 36,2% [Tổng cục thống kê, 2020].

Tính đến tháng 9 năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến người lao động đang làm việc trong hầu hết các ngành, trong đó một số ngành có tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng lớn như: ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí (88,6%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (81,7%), vận tải kho bãi (79,7%), hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (72,7%), công nghiệp chế biến chế tạo (70,1%), bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô và xe máy (68,5%), giáo dục đào tạo (68,5%), hoạt động kinh doanh bất động sản (67,8%) [Tổng cục thống kê, 2020].

Điều này cho thấy đại dịch Covid -19 đã làm cho đa số người lao động, trong số lao động có việc làm đã bị mất việc phải tạm thời rời khỏi thị trường lao động trong thời gian dịch bệnh lây lan, đặc biệt là trong tháng 4 năm 2020 khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm túc và triệt để.

## **2.4. Tác động của đại dịch Covid 19 đến thất nghiệp và thiếu việc làm**

### **2.4.1. Lao động thiếu việc làm**

Số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của quý III năm 2020 là 1,3 triệu người. Mặc dù có giảm trong quý III (81,4 nghìn người) nhưng vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước (560,4 nghìn người) với tỉ lệ là 2,79% (giảm 0,29 điểm phần trăm so với cùng kỳ quý trước và tăng 1,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 3,2% (của lao động trong độ tuổi), cao hơn tỷ lệ này ở khu vực thành thị 1,99 điểm phần trăm [Tổng cục thống kê, 2020].

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (2020), có đến gần 1/2 số lao động thiếu việc làm quý III năm 2020 (trong độ tuổi lao động) hiện đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 49,3%, giảm 26,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,9%, tăng 17,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 24,8%, tăng 8,5 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,8%, cao gấp 2,2 lần so với khu vực công nghiệp và xây dựng và cao hơn 2,6 lần so với khu vực dịch vụ. Như vậy, tình trạng thiếu việc làm hiện nay không chỉ tập trung ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mà đang tăng lên ở cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Tỷ lệ thiếu việc làm càng thấp đối với lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong độ tuổi quý III/2020 là 3,20%; sơ cấp là 2,54%; trung cấp là 1,71%; cao đẳng là 1,59%; đại học trở lên là 1,15% [Tổng cục thống kê, 2020].

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (2020), quý III năm 2020, lao động phi chính thức có việc làm là 20,7 triệu người, tăng 1,2 triệu người so với quý trước và tăng 149 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, tốc độ tăng lao động có việc làm phi chính thức cao hơn so với tốc độ tăng của lao động có việc làm chính thức (tương ứng là 5,8% và 0,8%) [Tổng cục Thống kê, 2020]. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý III năm 2020 là 57,0%, tăng 1,2 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ở khu vực nông thôn 62,9% và khu vực đô thị 49,5% (hơn 13,4 điểm phần trăm). Như vậy, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong khi số lao động thiếu việc làm trong khu vực lao động chính thức bị ảnh hưởng và bị giảm so với cùng kỳ năm ngoái thì lao động ở khu vực phi chính thức lại không bị ảnh hưởng mà có xu hướng tìm được việc làm nhiều hơn so với lao động của khu vực chính thức. Như vậy, sự phục hồi của thị trường lao động (thời điểm quý III năm 2020) có tín hiệu tích cực nhưng còn thiếu tính bền vững do lao động phi chính thức được coi là bộ phận lao động phải đối mặt với nhiều thiệt thòi và bất lợi, khó tiếp cận với các chế độ phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

#### ***2.4.2. Lao động thất nghiệp***

Đến tháng 9 tháng năm 2020, gần 1,2 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, tăng 132,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2020 là 2,48%, cao gấp 1,14 lần so với cùng kỳ năm trước. Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2020 là 4,3%, cao hơn 1,94 điểm phần trăm so với Hà Nội (2,36%) [Tổng cục thống kê, 2020].

*Bảng 1: Thất nghiệp và thất nghiệp trong độ tuổi lao động*

	<b>Quý III năm 2019*</b>	<b>9 tháng năm 2019*</b>	<b>Quý II năm 2020</b>	<b>Quý III năm 2020**</b>	<b>9 tháng năm 2020</b>	<b>Quý III năm 2020 so Quý III năm 2019</b>	<b>Quý III năm 2020 so Quý II năm 2020</b>
Số người thất nghiệp (nghìn người)	1108,7	1105,2	1336,2	1252,4	1235,6	113,0	93,7
Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động (nghìn người)	1067,7	1061,6	1278,9	1215,9	1193,7	113,9	95,1
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,99	1,99	2,51	2,29	2,27		
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%)	2,17	2,17	2,73	2,50	2,48		
Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (%)	6,73	6,62	6,98	7,24	7,07		

*Nguồn: Tổng cục thống kê, 2020*

*(\*) Số liệu điều chỉnh lại theo dân số Tổng điều tra.*

*(\*\*) Số liệu ước tính.*

Có thể nói, đến tháng 9 năm 2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 54,4 triệu người, giảm 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước và giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn. Trong giai đoạn 2016-2019, trung bình mỗi năm lực lượng lao động 9 tháng đầu năm tăng 1,0%. Nếu lực lượng lao động 9 tháng năm 2020 duy trì tốc độ tăng như giai đoạn 2016-2019 và không có dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam sẽ có thêm 1,8 triệu lao động. Nói cách khác, dịch Covid-19 có thể đã tước đi cơ hội tham gia thị trường lao động của 1,8 triệu người.

### **Chương 3: Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường lao động Việt Nam sau khủng hoảng đại dịch Covid 19**

#### **3.1. Giải pháp ngắn hạn**



Nhìn chung, đại dịch Covid 19 đã được khống chế ở Việt Nam nhưng vẫn còn diễn biến rất phức tạp trên thế giới. Điều đó sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường lao động Việt Nam. Chính vì vậy, để duy trì và phát triển nền kinh tế Việt Nam cần phải duy trì thị trường lao động dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh. Bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện “mục tiêu kép”, vừa chống dịch vừa khôi phục sản xuất, cần phải có biện pháp và chính sách hợp lý để hỗ trợ kịp thời cho người lao động.

Thứ nhất, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ hóa, hiệu quả các cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là về tài chính, tiền tệ, an sinh xã hội để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, người lao động. Đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid 19, cần có những chính sách cho vay ưu đãi, hạn chế tối đa doanh nghiệp bị phá sản bởi dịch bệnh. Nhà nước thực hiện chính sách miễn giảm thuế đối với một số lĩnh vực, đối tượng, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid 19. Trước tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp trên thế giới, Việt Nam cần tập trung phát triển mạnh thị trường trong nước, thực hiện các biện pháp nhằm kích thích tiêu dùng nội địa. Do đó, cần tập trung vào những nghề mũi nhọn và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bằng các gói hỗ trợ tín dụng của Chính phủ, thực hiện chế độ giảm, lùi, miễn thuế, tập trung cải cách hành chính, giảm bớt thủ tục hành chính. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cũng đã đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động. Theo đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ trả lương ngừng việc, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động phải ngừng việc do doanh nghiệp; cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề bị ảnh hưởng bởi Covid 19; hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho người lao động bị mất việc làm có hoàn cảnh khó khăn.

Thứ hai, cần đẩy nhanh hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để phục hồi hoạt động. Trong đó cần thực hiện nhanh chóng đối với các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh như ngành

công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ lưu trú và ăn uống, bán buôn bán lẻ. Có những chính sách hỗ trợ tiền lương để khuyến khích doanh nghiệp duy trì và tuyển dụng lao động, tránh tình trạng mất việc làm trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc giảm quy mô, cắt giảm nhân sự hoặc cho thôi việc. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cũng đã đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ một phần kinh phí và vận động nguồn đóng góp của các cơ quan doanh nghiệp, địa phương để triển khai tiêm vắc – xin phòng Covid 19 cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp, nhằm đảm bảo an toàn cho nguồn nhân lực sản xuất, hạn chế việc cắt giảm lao động của các doanh nghiệp.

Thứ ba, đối với thị trường lao động, cần thực hiện biện pháp an sinh xã hội, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động sớm quay trở lại thị trường, đảm bảo đủ lực lượng lao động khi bắt đầu bước vào giai đoạn đầy mạnh sản xuất, kinh doanh sau dịch. Đào tạo lại người lao động đáp ứng yêu cầu mới, đẩy mạnh kết nối cung, cầu trong nước gắn với thị trường lao động quốc tế. Đồng thời cần đưa ra những gói hỗ trợ nhóm lao động, bao gồm lao động chính thức và lao động phi chính thức trong doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh (dân doanh, tư nhân/ tổ hợp tác/ hợp tác xã). Ngoài ra, với các nhóm lao động yếu thế (phụ nữ, lao động không có trình độ chuyên môn, lao động ở khu vực kinh tế không chính thức) cần xem xét và xây dựng các gói hỗ trợ để giúp họ có thể có cơ hội tìm kiếm được việc làm tạo thu nhập, có được sự đảm bảo một phần về tài chính để giúp bản thân và gia đình họ vượt qua thời điểm khó khăn chung của toàn đất nước và cả thế giới.

Thứ tư, doanh nghiệp và người lao động cần nắm bắt nhu cầu lao động của nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi phương thức sản xuất để đáp ứng yêu cầu mới. Các doanh nghiệp cũng cần thay đổi cách thức sắp xếp công việc để bảo vệ sức khỏe người lao động dù có thể tác động tới sản lượng.

### **3.2. Giải pháp dài hạn**

Dưới tác động nặng nề của đại dịch Covid 19, Việt Nam cần có những giải pháp lâu dài để khôi phục và tiếp tục phát triển thị trường lao động trong thời gian tới khi đại dịch Covid đã được kiểm soát.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 ngày càng phát triển sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, nguồn nhân lực trở thành yếu tố quyết định đến sự phát triển kinh tế các quốc gia. Vì vậy, việc nâng cấp nguồn nhân lực, chuẩn bị cho công cuộc hồi phục và phát triển kinh tế là điều vô cùng quan trọng. Để thực hiện được vấn đề ấy cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phải đánh giá lại kết quả của Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 2011-2020 để xác định những điểm nghẽn còn tồn tại. Qua đó, xây dựng chiến lược mới trên cơ sở đánh giá trên và nhu cầu hiện tại của nguồn nhân lực trên thị trường, từ đó xây dựng nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, hệ thống giáo dục chính quy từ tiểu học lên đến đại học cần cải cách từ phương thức đào tạo truyền thống theo lối tiếp nhận một cách thụ động sang khuyến khích tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, giáo dục nhân cách, phát huy tốt tiềm năng cá nhân.

Thứ ba, cung cấp thông tin và mở rộng cơ hội chuyên môn hóa theo ngành nghề ở bậc trung học phổ thông, giúp định hướng nghề nghiệp sớm cho học sinh lựa chọn ngành nghề và bậc học phù hợp với năng lực và điều kiện. Cải thiện, đổi mới chất lượng giáo dục theo hướng tăng thực hành, đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu thị trường trong thời đại mới.

Thứ tư, đào tạo, phát triển người lao động theo hướng đa kỹ năng, giúp họ có tư duy, xử lý trong lao động, giúp công cuộc đổi mới sáng tạo diễn ra dễ dàng hơn.

Thứ năm, nâng cao tính thiết thực của các chương trình đào tạo, mở ra mô hình đại học kết nối với doanh nghiệp góp phần đẩy mạnh việc làm và rút ngắn thời gian chuyển giao giữa lý thuyết vào thực hành.

Thứ sáu, khuyến khích các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo môi trường để các nhà giáo tham gia vào quá trình bồi dưỡng nhân lực ở Việt Nam.

Ngoài ra, để tăng số lượng lao động có trình độ, bằng cấp, giảm thiểu tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo, ... cần thực hiện những mục tiêu sau:

Một là hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất để thị trường lao động phát triển theo hướng hiện đại; hỗ trợ phát triển cung - cầu lao động; hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động; hỗ trợ phát triển lưới an sinh và bảo hiểm; hỗ trợ kết nối thị trường lao động trong và ngoài nước, phát triển các thị trường lao động đặc thù; nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động.

Hai là vận hành, sắp xếp, đổi mới tổ chức quản lý nhà nước về thị trường lao động, nâng cao chất lượng hiệu quả của các đơn vị việc làm theo hướng thống nhất, rõ ràng về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp.

Ba là tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức của người lao động về pháp luật, quan hệ lao động và trách nhiệm, lợi ích của các đối tác xã hội.

Bốn là tăng cường công tác kiểm tra, chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm quy định lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh khác cho người lao động, xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá phát triển thị trường lao động Việt Nam, so sánh trong khu vực và trên thế giới.

## **KẾT LUẬN**

Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó. Sức lao động phụ thuộc vào nhiều yếu tố tuổi tác, giới tính, đặc điểm dân tộc, trình độ văn hóa, tay nghề, sức khỏe ... Sức lao động là yếu tố tạo ra của cải vật chất đồng thời cũng là yếu tố tạo ra giá trị. Nó là nguồn tài nguyên của đất nước, là lợi thế

trong việc phát triển kinh tế quốc gia. Có hai điều kiện để biến sức lao động thành hàng hóa: một là người lao động tự do về thân thể và hai là người lao động không có đủ tư liệu sản xuất nên phải bán sức lao động của mình. Hàng hóa sức lao động cũng có hai thuộc tính đó là thuộc tính giá trị và thuộc tính giá trị sử dụng. Tiền công chính là giá cả của hàng hóa sức lao động, do hao phí sức lao động của người làm thuê tạo ra mà có. Thị trường lao động là nơi diễn ra quá trình trao đổi giữa người lao động tự do và người có nhu cầu sử dụng lao động dựa trên cơ sở mối quan hệ lao động như tiền lương, tiền công, ... Dưới tác động của đại dịch Covid 19, thị trường lao động bị ảnh hưởng nặng nề, hàng triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp dẫn đến giảm thu nhập, tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam. Trước tình hình đó, Chính phủ cần có những biện pháp thực hiện đồng bộ hóa các cơ chế, chính sách nhất là về tài chính, tiền tệ hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động bị ảnh hưởng. Đồng thời cần nâng cao năng lực người lao động, đào tạo đội ngũ lao động có bằng cấp, kinh nghiệm, kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động sau đại dịch Covid 19. Nhà nước cần có chính sách cụ thể và lâu dài để phục hồi, phát triển và nâng cao thị trường lao động Việt Nam sau ảnh hưởng của dịch bệnh.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **Tài liệu tiếng Việt**

1. ILO – Tổ chức Lao động Quốc tế (2020), “Đại dịch Covid 19 với thị trường lao động Việt Nam”.
2. Thành viên Đại học Kinh tế Quốc dân và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (2020), “Đánh giá các chính sách ứng phó với Covid 19 và các khuyến nghị”.

### **Tài liệu trực tuyến**

3. Đức Tùng (2020), “Duy trì và phát triển thị trường lao động trong bối cảnh mới”, Tạp chí Lao động và Xã hội, <http://laodongxahoi.net/duy-tri->

- [va-phat-trien-thi-truong-lao-dong-trong-boi-can-h-moi-1317030.html](http://va-phat-trien-thi-truong-lao-dong-trong-boi-can-h-moi-1317030.html), truy cập lúc 10:19, 28-10-2020.
4. GS.TS Nguyễn Quang Thuấn (2020), “Tác động của đại dịch COVID-19 và một số giải pháp chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn tới”, Tạp chí Công sản, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/819611/tac-dong-cua-dai-dich-covid-19%C2%A0va-mot-so-giai-phap-chinh-sach-cho-viet-nam-trong-giai-doan-toi.aspx#>, truy cập lúc 22:47, 23-09-2020.
  5. Mỹ Anh (2020), “Tác động kinh tế - xã hội của đại dịch Covid – 19 tại Việt Nam”, Báo điện tử, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/tac-dong-kinh-te-xa-hoi-cua-dai-dich-covid-19-tai-viet-nam-569640.html>, truy cập lúc 15:35, 10-12-2020.
  6. Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hương Giang (2021), “Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam qua phân tích số liệu thống kê”, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, <https://vass.gov.vn/ngghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Dai-dich-Covid-19-tac-dong-den-lao-dong-viec-lam-o-Viet-Nam-126>, truy cập 09-02-2021.
  7. PV (2020), “Phát triển thị trường lao động đến năm 2030”, Tạp chí Lao động và Xã hội, <http://laodongxahoi.net/phat-trien-thi-truong-lao-dong-den-nam-2030-1317647.html>, truy cập lúc 16:11, 15-12-2020.
  8. TS. Phạm Thị Thu Lan (2021), “Thị trường lao động trong nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ”, Tạp chí Công sản, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/821657/thi-truong-lao-dong-trong-nen-kinh-te-thi-truong-hien-dai%2C-day-du.aspx#>, truy cập lúc 21:24, 17-03-2021.